TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-PT.
Ngày: 12-02-2020
V/v Ly hôn; tranh chấp về nuôi Con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Thẩm phán: Bà Dương Thị Liên

Ông Nguyễn Tất Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Nguyễn Tuyết Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 02 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 18/2019/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2020/QĐXX-PT ngày 03 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị A, Sinh năm 1985.

Địa chỉ cũ: Xóm X, xã Y, huyện V, Thái Nguyên.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm CR, thị trấn ĐC, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh B, sinh năm 1987.

Trú tại: Xóm X, xã Y, huyện V, Thái Nguyên. (Có mặt)

3. Người kháng cáo: Anh B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai khai nguyên đơn chị A khai: Chị A và anh B kết hôn năm 2011,đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân UBND thị trấn ĐC, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn được tìm hiểu, tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống chị và anh B có 2 con chung là Q sinh ngày 25/9/2012 và K sinh ngày 02/6/2016. Về tài sản chung vợ chồng chị không có gì, nợ chung không vay ai, không cho ai vay nợ.

Về nguyên nhân xin ly hôn chị A khai: Vợ chồng chị thường cãi nhau chủ yếu là về kinh tế, gia đình chồng hay gây lộn, chửi bới vô cớ về tiền nong. Năm 2012 chị sinh con đầu lòng gia đình chưa có mâu thuẫn gì, sau đó chị có thêm một con chung nữa vào năm 2016 từ đó mâu thuẫn mẹ chồng và chị xảy ra thường xuyên, mẹ chồng đã đuổi chị ra khỏi nhà. Cụ thể tháng 5/2017 mẹ chồng đuổi ra khỏi nhà nên 3 mẹ con chị dắt nhau về ngoại sống, do kinh tế khó khăn nên chị gửi con cho bà ngoại trông và đi Ả Rập giúp việc kiếm tiền nuôi con. Sau khi chị đi nước ngoài lao động kiếm tiền chồng chị đã đón con về chăm sóc từ đó đến nay. Từ ngày về nước không đi làm ở nước ngoài nữa chị vào thăm con đón đi chơi anh B và bố mẹ chồng không cho chị thăm con thậm chí chị mua quà cho con cũng không cho nhận. Nay chị về nước để ổn định cuộc sống, nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn lại được nữa nên chị xin ly hôn. Về con chung chị đề nghị được nuôi cháu K sinh ngày 02/6/2016, anh B có trách nhiệm nuôi cháu Q sinh ngày 25/9/2012, tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh B khai: Anh B thừa nhận kết hôn cùng chị A năm 2011,đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân UBND thị trấn ĐC, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn được tìm hiểu, tự nguyện không bị ép buộc, có 02 con chung, tài sản chung và nợ chung không có.

Về nguyên nhân xin ly hôn anh B cho rằng: Sau khi cưới vợ chồng anh chị sống chung nhà với bố mẹ nhưng vợ chồng ăn riêng. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hiểu nhau và không có tiếng nói chung. Đầu tháng 5/2017, bố đẻ anh bị xuất huyết dạ dày phải đi cấp cứu điều trị ở bệnh viện, chị A ở nhà không dọn dẹp nhà cửa, sau vài ngày ở viện về mẹ anh thấy thế nên nói chị A. Chị A đã có những lời nói xúc phạm mẹ anh và chửi láo nên đã bế con về ngoại ở không về nữa. Sau đó chị A đi làm giúp việc ở Ả Rập để con ở nhà cho bà ngoại nuôi, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị A xin ly hôn anh nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của chị A, về con chung anh đề nghị được nuôi cả hai con không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con vì từ khi chị A đi làm giúp việc anh đã đón con về ở từ đó đến nay, về tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, tại bản án số 18/2019/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Về quan hệ vợ chồng: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B.

Về con chung: Giao cho chị A có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K sinh ngày 02/6/2016 đến khi đủ 18 tuổi. Giao cho anh A có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q sinh ngày 25/9/2012 đến khi đủ 18 tuổi. Các đương sự không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con, chị A và anh B có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/11/2019 bị đơn anh B có đơn kháng cáo, không nhất trí giao con chung là K cho chị A nuôi dưỡng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung là Q và cháu K.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh B giữ nguyên nội dung kháng cáo. Chị A không nhất trí kháng cáo của anh B.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát phát biểu sự tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh B làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh B, Hội đồng xét xử thấy rằng:
Về con chung: Chị A và anh B trong quá trình chung sống có hai con chung Q sinh ngày 25/9/2012 và cháu K sinh ngày 02/6/2016. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh thực tế, điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung của các bên và giao cho anh B trực tiếp chăm sóc, giáo dục con Q sinh ngày 25/9/2012; Chị A trực tiếp chăm sóc, giáo dục con K sinh ngày 02/6/2016 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh B không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh về việc chị A không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo được nuôi cả hai con của anh B, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên anh B phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh B, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 18/2019/HNGĐ -ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Áp dụng vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 54, 55,57, 58, 69, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1- Về quan hệ vợ chồng: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B

2- Về con chung: Giao cho chị A có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K sinh ngày 02/6/2016 đến khi đủ 18 tuổi. Giao cho anh B có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q sinh ngày 25/9/2012 đến khi đủ 18 tuổi. Các đương sự không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con, chị A và anh B có quyền đi lại thăm nom con chung.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

4- Về án phí: Buộc chị A chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số 0007427ngày 03/9/2019.

Anh B phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn phúc thẩm, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Nguyên, theo biên lai thu số 0007551 ngày 04/12/2019.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện V;
- THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Phương